

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Tạ Khắc Nghĩa
2. Ông Nguyễn Văn Phiếu

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Trần Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân- Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2020/TLST- HNGĐ ngày 26/05/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản S, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Đinh Văn D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Bản S, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Chị H có mặt, anh D vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 22/05/2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện N cũng như trong đơn xin xử vắng mặt chị Đinh Thị H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn D lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K ngày 11/12/2014 dựa trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng bố mẹ anh D tại Bản S, xã K, huyện N, tỉnh

Ninh Bình được khoảng 1 năm thì chuyển ra ở riêng mở quán kinh doanh. Từ khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D không quan tâm gia đình, thường xuyên đánh bài tụ tập ăn uống, đánh chửi vợ con. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có hiệu quả. Mâu thuẫn sâu sắc nhất là từ tháng 4/2020 cũng vì những mâu thuẫn trên mà hai vợ chồng tiếp tục cãi chửi đánh nhau. Do không chịu được nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở hơn 1 tháng sau đó chị thuê nhà chỗ khác ở với con gái được 2 ngày thì anh D đón con về ở với anh D cho đến nay. Nay chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn D vì tình cảm vợ chồng không còn.

2. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Đinh Thị Thanh V, sinh ngày 06/07/2016, cháu ở với anh D. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu và đề nghị anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Vân đủ 18 tuổi. Nhưng nay chị thay đổi thành không đề nghị anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị vì thu nhập anh D cũng không ổn định.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đinh Văn D có thể hiện ý kiến tại bản tự khai ngày 13/7/2020: Anh xác định thời điểm hai vợ chồng đăng ký kết hôn đúng như chị H trình bày. Tuy nhiên anh D xác định hai vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng mới đây thì vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Anh D cũng đã có đến tìm chị H để 2 vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H kiên quyết không về. Khi chị H làm đơn xin ly hôn anh chưa đồng ý nên chưa ký đơn ly hôn. Nay anh đồng ý ly hôn vì không thể tiếp tục chung sống cùng nhau.

Về con chung: Anh D cũng xác định vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Đinh Thị Thanh V, sinh ngày 06/07/2016, cháu ở với anh. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu và không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Anh có nguyện vọng nuôi cháu vì cháu hiện ở ổn định với anh, anh chăm sóc cháu đầy đủ, bản thân anh có thu nhập ổn định bằng công việc bán hàng ăn sáng. Ngoài ra tôi còn được bố mẹ hỗ trợ chăm sóc cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quyền sử dụng đất canh tác chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Sau đó quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh D không lên tham gia phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Quá trình giải quyết vụ án tại biên bản xác minh ngày 23/07/2020 Ủy ban nhân dân xã K có cung cấp hiện nay anh D làm lao động tự do, buổi sáng có bán

hàng ăn sáng, mức thu nhập trung bình khoảng 150.000 đồng- 200.000 đồng/ ngày. Quá trình chăm sóc con chung tại địa phương chị H, anh D đều không vi phạm nghĩa vụ của cha mẹ với con cái. Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia đầy đủ các buổi hòa giải, không tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

* Về nội dung giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn D.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đinh Thị Thanh V, sinh ngày 06/7/2016 hiện đang ở cùng anh D cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào hồ sơ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Đinh Văn D cư trú tại Bản S, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Đinh Văn D sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh D theo quy tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện N đều đã tổng đạt cho anh D. Do vậy, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh D của Tòa án nhân dân huyện N là hợp lệ. Tại phiên tòa anh D vắng mặt, chị H có mặt. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn D lấy nhau có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/12/2014 nên hôn nhân giữa chị H và anh D được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh D hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn theo chị H xác định là do anh D không quan tâm gia đình, thường xuyên đánh bài tụ tập ăn uống, đánh chửi vợ con. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có hiệu quả. Từ tháng 4/2020 cũng vì những mâu thuẫn trên mà hai vợ chồng sống ly thân, không chịu được nên chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở hơn 1 tháng sau đó chị thuê nhà chỗ khác ở với con gái được 2 ngày thì anh D đón con về ở với anh D cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đinh Văn D có thể hiện ý kiến nhưng không nhắc đến nguyên nhân mâu thuẫn mà chỉ thể hiện việc vợ chồng có sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, anh đã gặp chị H để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H kiên quyết không đoàn tụ. Nay chị H làm đơn ly hôn lên Tòa án thì anh đồng ý ly hôn vì không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Xét thấy trên thực tế chị H và anh D đã sống ly thân, gia đình đã hòa giải nhưng không đạt hiệu quả, bản thân anh D không có biện pháp nào khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này cũng chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. **Về con chung:** Vợ chồng chị H, anh D có 01 con chung là cháu Đinh Thị Thanh V, sinh ngày 06/07/2016, hiện nay cháu với anh D. Chị H, anh D đều có thể hiện nguyện vọng được nuôi cháu và không đề nghị người còn lại phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị H làm công nhân có thu nhập ổn định 7.000.000đ/tháng, chấp hành tốt pháp luật không có biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội. Chị H đều đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đồng thời có sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc cháu. Mặc khác, cháu Vân là con gái, còn nhỏ cần có sự quan tâm chăm sóc, yêu thương của người mẹ hơn. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự ổn định của cháu, đảm bảo quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối với con chưa thành niên của các bên đương sự khi ly hôn, xét thấy cần giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V là hoàn toàn phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

* **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị H không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét đây là sự tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội cần chấp nhận.

[2.3]. **Về tài sản chung, công nợ chung, quyền sử dụng đất canh tác chung:** Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[2.4]. **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị H là người dân tộc Mường sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn nhưng không có đơn xin miễn án phí ly hôn sơ thẩm nên chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5; Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: - Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H. Xử lý hôn giữa chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Thanh V, sinh ngày 06/07/2016 (hiện nay đang ở với anh D) cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh D không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị H phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000505 ngày 26/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

ĐÀO THỊ HUỆ